

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK2**Năm 4 Khoa Vật lý (năm học 2010 -
2011)(Danh sách kèm theo quyết định số
1216/QĐ-ĐHSP ngày 14/7/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT BH	ĐR L	Mức học bổng	Số tiền
1	Mai Anh Thị Vân	K33 .102 .002	9.41	90	360,0 00 0	1,80 0,00 0
2	Trần Ân Đặng Bảo	K33 .102 .004	10	91	360,0 00 0	1,80 0,00 0
3	Lê Duy Thị Thùy	K33 .102 .012	9.41	95	360,0 00 0	1,80 0,00 0
4	Phạm Mạnh Thị Mỹ	K33 .102 .018	9.41	90	360,0 00 0	1,80 0,00 0
5	Dương Huy Ng Nhậ t	K33 .102 .029	9.41	98	360,0 00 0	1,80 0,00 0
6	Trần Thị Ngọc C	Lam K33 .102 .036	10	95	360,0 00 0	1,80 0,00 0
7	Hoàng Ng Thị yên	K33 .102 .050	9.59	93	360,0 00 0	1,80 0,00 0
8	Ng Tha yến Thị Ng yết	K33 .102 .065	9.41	92	360,0 00 0	1,80 0,00 0
9	Lê Thị Th y	K33 .102 .072	9.41	92	360,0 00 0	1,80 0,00 0
10	Tr T ơng ng Tran g Cát	K33 .102 .084	9.59	95	360,0 00 0	1,80 0,00 0
11	Trần Thị Vân	K33 .102	9.41	93	360,0 00	1,80 0,00

	Thu	.089		0
12	Huỳnh Dũn K33 9.38 84		300,0	1,50
	nh g	.105	00	0,00
	Chí	.006		0
13	Ngũ Hân K33 9.06 79		240,0	1,20
	yễn g	.105	00	0,00
	Mìn	.011		0
	h			
14	Đoàn Hiề K33 9.38 84		300,0	1,50
	n N n	.105	00	0,00
	gọc	.013		0
15	Ngũ Hoà K33 9.38 84		300,0	1,50
	yễn ng	.105	00	0,00
	Thị	.015		0
	Kim			
16	Hồ Kho K33 10 91		360,0	1,80
	Ngọ a	.105	00	0,00
	c Đã	.019		0
	ng			
17	Phù Vân K33 9.06 79		240,0	1,20
	ng	.105	00	0,00
	Thị	.056		0